

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ I

MÔN: LỊCH SỬ 10

CHỦ ĐỀ 1: LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC

BÀI 1: HIỆN THỰC LỊCH SỬ VÀ NHẬN THỨC LỊCH SỬ

1. Lịch sử là gì?

- Lịch sử là tất cả những gì diễn ra trong quá khứ. Lịch sử loài người là toàn bộ những hoạt động của con người từ khi xuất hiện đến ngày nay
- *Hiện thực lịch sử* là những gì diễn ra trong quá khứ, tồn tại hoàn toàn khách quan không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người
- *Nhận thức lịch sử* là những hiểu biết của con người về hiện thực lịch sử được trình bày ở nhiều cách khác nhau

2. Sử học

a. Khái niệm, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ

- Sử học là khoa học nghiên cứu về quá khứ của loài người
- Đối tượng: là con người, có thể của cá nhân, tổ chức, khu vực....
- Chức năng: khoa học nhận thức
- nhiệm vụ: nhận thức, giáo dục và dự báo

b. Nguyên tắc cơ bản của Sử học

- Trung thực
- Khách quan
- Nhân văn và tiến bộ

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Lịch sử là “quá trình tương tác không ngừng giữa nhà sử học và sự thật lịch sử, là cuộc đối thoại không bao giờ dứt giữa hiện tại và quá khứ” (Ét -uôt Ha-lét Ca). Em hiểu về quan điểm này thế nào?

A. Phản ánh lịch sử là gì?

B. Phản ánh mối quan hệ giữa nhà sử học và hiện thực lịch sử.

C. Phản ánh mối quan hệ giữa quá khứ và hiện tại.

D. Để nhận thức được lịch sử cần có sự tương tác không ngừng giữa nhà sử học, giữa hiện tại với quá khứ.

Câu 2. Hiện thực lịch sử là gì?

A. Là tất cả những gì đã diễn ra trong quá khứ.

B. Là tất cả những gì đã diễn ra trong quá khứ của loài người.

C. Là những gì đã diễn ra trong quá khứ mà con người nhận thức được.

D. Là khoa học tìm hiểu về quá khứ.

Câu 3. Nhận thức lịch sử là gì?

A. Là những mô tả của con người về quá khứ.

B. Là những hiểu biết của con người về quá khứ, được tái hiện hoặc trình bày theo những cách khác nhau.

C. Là những công trình nghiên cứu lịch sử.

D. Là những lễ hội lịch sử - văn hoá được phục dựng.

Câu 4. So với hiện thực lịch sử, nhận thức lịch sử có đặc điểm gì?

A. Nhận thức lịch sử luôn phản ánh đúng hiện thực lịch sử.

B. Nhận thức lịch sử không thể tái hiện đầy đủ hiện thực lịch sử.

C. Nhận thức lịch sử thường lạc hậu hơn hiện thực lịch sử.

D. Nhận thức lịch sử độc lập, khách quan với hiện thực lịch sử.

Câu 5. Ý nào dưới đây **không phải** là đối tượng nghiên cứu của Sử học?

A. Những hiện tượng tự nhiên đã xảy ra trong quá khứ.

B. Quá khứ của một cá nhân hoặc một nhóm, một cộng đồng người.

C. Quá khứ của một quốc gia, khu vực trên thế giới.

D. Quá khứ của toàn thể nhân loại.

Câu 6. Ý nào dưới đây **không** thuộc chức năng của Sử học?

A. Khôi phục các sự kiện lịch sử diễn ra trong quá khứ.

B. Rút ra bản chất của các quá trình lịch sử, phát hiện quy luật vận động và phát triển của chúng.

C. Giáo dục tình yêu thiên nhiên, ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên.

D. Rút ra bài học kinh nghiệm cho cuộc sống hiện tại.

Câu 7. Ý nào dưới đây **không** thuộc nhiệm vụ của Sử học?

A. Cung cấp tri thức về hiện thực lịch sử một cách khách quan, khoa học.

B. Truyền bá những giá trị, truyền thống tốt đẹp của lịch sử giáo dục tình yêu quê hương, đất nước.

C. Dự báo về tương lai của đất nước, nhân loại.

D. Đề ra chính sách phù hợp để phát triển đất nước.

Câu 8. Các viên quan chép sử trong câu chuyện Thôi Trữ giết vua sẵn sàng đón nhận cái chết để bảo vệ nguyên tắc nào khi phản ánh lịch sử?

A. Khách quan, liêm khiết.

B. Trung thực, yêu nước.

C. Khách quan, trung thực.

D. Nhân văn, tiến bộ.

Câu 9. Ý nào dưới đây không phản ánh đúng nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu lịch sử?

A. Khách quan. B. Trung thực. C. Nhân văn, tiến bộ. D. Vì người lao động.

Câu 10. G. M. Cla-đen-ni-ót – nhà sử học người Đức thế kỉ XVIII cho rằng “Đòi hỏi người viết sử phải tự đặt mình vào vị thế của người không tôn giáo, không tổ quốc, không gia đình,... thì đó là một sai lầm lớn, vì họ đang đòi hỏi những điều không thể”. Quan điểm này nên được hiểu thế nào cho đúng?

- A. Cần đảm bảo tính khách quan, trung thực tuyệt đối trong nghiên cứu lịch sử.
B. Tính khách quan, trung thực trong nghiên cứu lịch sử có ý nghĩa tương đối.
C. Đòi hỏi khách quan, trung thực trong nghiên cứu lịch sử là điều không thể.
D. Nhà sử học đều phải có gia đình, tổ quốc, tôn giáo của mình.

BÀI 2: TRI THỨC LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG

2. Học tập và tìm hiểu lịch sử suốt đời

a. Sự cần thiết của việc học tập, khám phá lịch sử suốt đời

- Tri thức lịch sử rất rộng lớn và đa dạng
- Nhiều sự kiện, quá trình lịch sử hiện nay vẫn còn là bí ẩn, cho dù đã có những cách giải thích khác nhau được đưa ra.
- Ngày nay tri thức, lịch sử và văn hóa chính là nguồn cảm hứng và tạo ý tưởng cho nhiều sáng tạo trong các ngành công nghiệp văn hóa phát triển du lịch, tạo những cơ hội nghề nghiệp mới đầy thú vị.

b. Kết nối lịch sử với cuộc sống, cuộc sống với lịch sử

- Sử dụng tri thức lịch sử, thông qua tri thức lịch sử giúp con người giải thích, hiểu rõ hơn những vấn đề thời sự trong nước và quốc tế, những vấn đề thực tiễn cuộc sống hiện nay

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng vai trò của tri thức lịch sử?

- A. Cung cấp những tri thức về sự phát triển của thế giới sinh vật.
B. Cung cấp những thông tin về quá khứ để hiểu về cội nguồn gia đình, thân tộc, quốc gia, nhân loại.
C. Góp phần lưu truyền, tạo nên yếu tố cốt lõi của ý thức dân tộc và bản sắc văn hoá dân tộc.
D. Hiểu về quá khứ để lí giải những vấn đề xảy ra trong hiện tại và dự đoán tương lai.

Câu 2. Điểm chung trong nội dung phản ánh của hai đoạn trích dẫn sau là gì?

“Sử để ghi việc, mà việc hay hoặc dở đều dùng làm gương răn cho đời sau” (Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, Tập1, Sđ d, tr. 101)

“Dân ta phải biết sử ta,

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam” (Hồ Chí Minh, Lịch sử nước ta, 1942)

A. Sử được dùng làm gương răn dạy cho đời sau.

B. Người Việt Nam cần hiểu biết lịch sử Việt Nam.

C. Vai trò, ý nghĩa của tri thức lịch sử đối với cuộc sống.

D. Người Việt Nam cần biết tường tận gốc tích của mình.

Câu 3. Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng lí do cần phải học tập lịch sử suốt đời?

A. Lịch sử là môn khó học cần phải học tập suốt đời để hiểu lịch sử.

B. Tri thức kinh nghiệm của quá khứ rất cần thiết cho cuộc sống hiện tại và tương lai.

C. Nhiều sự kiện, quá trình lịch sử vẫn chứa đựng những điều bí ẩn cần tiếp tục khám phá tìm tòi.

D. Học tập khám phá lịch sử giúp đưa lại những cơ hội nghề nghiệp thú vị.

Câu 4. Hình thức học tập nào dưới đây **không** phù hợp với môn lịch sử?

A. Học trên lớp.

B. Xem phim tài liệu lịch sử.

C. Tham quan, điền dã.

D. Học trong phòng thí nghiệm.

BÀI 4: SỬ HỌC VỚI MỘT SỐ LĨNH VỰC, NGÀNH HIỆN ĐẠI

1. Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên

a. Mối quan hệ giữa Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản

- Sử học là cơ sở quan trọng nhất trong công tác xác định giá trị cũng như phát huy giá trị di sản vì sự phát triển bền vững.

- Giúp công tác bảo tồn di sản đảm bảo tính nguyên trạng của di sản.

b. Vai trò công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá và di sản thiên nhiên

- Công tác bảo tồn góp phần quan trọng trong việc hạn chế cũng như khắc phục những yếu tố bên ngoài và trong góp phần kéo dài tuổi thọ di sản.

- Đối với di sản văn hoá phi vật thể dễ tổn thương nhờ công tác bảo tồn mà được tái tạo, gìn giữ và trao truyền qua nhiều thế hệ

3. Sử học với sự phát triển du lịch

a. Vai trò của lịch sử với sự phát triển du lịch

- Các di sản lịch sử- văn hoá quá khứ để lại nguồn tài nguyên quý báu để ngành du lịch phát triển

b. Vai trò du lịch đối với việc bảo tồn di tích lịch sử và di sản văn hoá

- Du lịch di sản phát triển khiến cho con người và chính quyền địa phương càng thêm tự hào và có nhiều ý thức hơn trong việc bảo tồn và phát triển bền vững, hiệu quả ngành du lịch
- Một phần doanh thu được tái đầu tư tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững.

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu 1. “Di sản văn hoá là hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần do một cộng đồng người sáng tạo và tích lũy trong một quá trình lịch sử lâu dài và được lưu truyền từ thế hệ trước cho thế hệ sau”. Như vậy, di sản văn hoá không bao gồm loại nào sau đây?

A. Những sản phẩm được tạo ra trong hiện tại.

B. Di sản văn hoá vật thể.

C. Di sản văn hoá phi vật thể.

D. Di sản thiên nhiên hoặc di sản hỗn hợp.

Câu 2. Trong hoạt động bảo tồn di sản cần phải đảm bảo một số yêu cầu như: tính nguyên trạng, giữ được “Yếu tố gốc cấu thành di tích”, đảm bảo “tính xác thực”, “giá trị nổi bật” và dựa trên cơ sở các cứ liệu và phương pháp khoa học.... Các yêu cầu đó thể hiện điểm chung cốt lõi là gì?

A. Cần giữ được tính nguyên trạng của di sản.

B. Cần đảm bảo những giá trị lịch sử của di sản trên cơ sở khoa học.

C. Bảo tồn trên cơ sở phát triển phù hợp với thời đại mới.

D. Phải nhằm mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.

Câu 3. Ý nào dưới đây **không** đúng về điểm chung trong nội dung phản ánh của các hình 1,2,3 (Lịch sử 10, tr.27)?

A. Đều là những di sản nổi tiếng của thế giới hoặc của Việt Nam.

B. Đều là di sản vật chất, vật thể.

C. Các di sản đều mang những giá trị lịch sử văn hoá lâu đời.

D. Đều thuộc loại hình di sản văn hoá – lịch sử tiêu biểu.

Câu 4. Trong bảo tồn và phát huy giá trị của di sản, yêu cầu quan trọng nhất đặt ra là gì?

A. Phải phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.

B. Phải đảm bảo giá trị thẩm mỹ của di sản.

C. Phải đảm bảo giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, vì sự phát triển bền vững.

D. Đáp ứng yêu cầu quảng bá hình ảnh về đất nước con người Việt Nam.

Câu 5. Trong bảo tồn giá trị của di sản, Sử học đóng vai trò như thế nào?

A. Thành tựu nghiên cứu của Sử học về di sản sẽ cung cấp cơ sở khoa học cho việc bảo tồn.

B. Giúp cho việc bảo tồn di sản đạt hiệu quả cao, ít tốn kém.

C. Việc bảo tồn di sản sẽ đáp ứng nhu cầu của cuộc sống hiện tại.

D. Đáp ứng thị hiếu của khách du lịch, nâng cao hiệu quả khai thác của di sản.

Câu 6. Điểm khác của công nghiệp văn hoá so với các ngành công nghiệp khác là gì?

A. Sản phẩm tạo ra có tính hàng hoá, có giá trị kinh tế vượt trội.

B. Đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

C. Các sản phẩm được tạo ra trên cơ sở khai thác và phát huy giá trị của di sản.

D. Có sự đóng góp quan trọng của máy móc và công nghệ hiện đại.

Câu 7. Lĩnh vực/loại hình nào sau đây **không** thuộc công nghiệp văn hoá?

A. Điện ảnh.

B. Thời trang.

C. Xuất bản.

D. Du lịch khám phá.

Câu 8. Vai trò của Sử học trong sự phát triển công nghiệp văn hoá là gì?

A. Cung cấp tri thức, ý tưởng, cảm hứng sáng tạo cho công nghiệp văn hoá.

B. Cung cấp nguồn nhân lực cho công nghiệp văn hoá.

C. Cung cấp nguồn tài chính cho công nghiệp văn hoá.

D. Cung cấp nguồn đề tài cho công nghiệp văn hoá.

Câu 9. Lĩnh vực nào dưới đây thuộc công nghiệp văn hoá?

A. Du lịch mạo hiểm.

B. Du lịch văn hoá.

C. Ngành du lịch nói chung.

D. Du lịch khám phá.

Câu 10. Ý nào **không** đúng về vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hoá, di sản thiên nhiên?

A. Là cách duy nhất để quảng bá hình ảnh, thương hiệu quốc gia đối với du khách quốc tế.

B. Góp phần khắc phục những tác động tiêu cực của tự nhiên và con người đối với di sản vật thể và di sản thiên nhiên.

C. Góp phần tái tạo, gìn giữ và lưu truyền di sản văn hoá phi vật thể cho thế hệ sau.

D. Góp phần làm tăng giá trị khoa học, bảo vệ đa dạng sinh học vì sự phát triển bền vững của di sản thiên nhiên.

CHỦ ĐỀ 3

MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ CỔ - TRUNG ĐẠI

BÀI 5: KHÁI NIỆM VĂN MINH. MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG ĐÔNG THỜI KÌ CỔ - TRUNG ĐẠI

I. Khái niệm văn minh, khái quát lịch sử văn minh thế giới thời kì cổ - trung đại

1. Khái niệm văn minh

- Văn hóa là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần mà con người sáng tạo nên.

- Văn minh là sự tiến bộ về vật chất và tinh thần của xã hội loài người; là trạng thái phát triển cao của nền văn hóa, khi xã hội loài người vượt qua trình độ của thời kì dã man.

=> Văn minh có mối liên hệ chặt chẽ với văn hóa.

II. Một số nền văn minh phương Đông thời kì cổ - trung đại

1. Văn minh Ai Cập cổ đại

b. Những thành tựu cơ bản

- Tín ngưỡng, tôn giáo: sùng bái đa thần
- Chữ viết: chữ tượng hình
- Kiến trúc và điêu khắc: Kim tự tháp, tượng Nhân sư
- Khoa học, kĩ thuật: Toán học (hình học), Thiên văn học và Y học.

2. Văn minh Ấn Độ thời kì cổ - trung đại

b. Những thành tựu cơ bản

- Tôn giáo: Hin-đu giáo, Phật giáo
- Chữ viết: chữ brahmi -> chữ Phạn (Sanskrit)
- Văn học: kinh Vê-đa, Sử thi Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-ya-na
- Kiến trúc, điêu khắc: Chùa hang, lăng Ta-giơ Ma-han
- Khoa học, kĩ thuật: Toán học (sáng tạo ra 10 chữ số), Thiên văn học, Vật lí, Hóa học, Y - dược học

3. Văn minh Trung Quốc thời kì cổ - trung đại

b. Những thành tựu cơ bản

- Tư tưởng, tôn giáo: Nho giáo, Phật giáo
- Chữ viết: chữ giáp cốt, kim văn -> chữ Hán
- Văn học: thơ Đường, tiểu thuyết Minh – Thanh
- Kiến trúc, điêu khắc: Vạn Lý Trường Thành, Tử Cấm Thành
- Khoa học kĩ thuật: Toán học, Thiên văn học, Y - Dược học (Hoa Đà), Sử học (Sử kí của Tư Mã Thiên) và tứ đại phát minh: giấy, kĩ thuật in, la bàn và thuốc súng

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong các nền văn minh cổ đại ở phương Đông, các nền văn minh Trung Hoa và Ấn Độ có điểm gì khác so với văn minh Ai Cập?

A. Chịu ảnh hưởng của nền văn minh A – rập trong một thời gian dài.

B. Tiếp tục phát triển sang thời trung đại.

C. Đạt nhiều thành tựu rực rỡ trên các lĩnh vực.

D. Hình thành trên lưu vực các dòng sông lớn.

Câu 2. Công trình kiến trúc nổi tiếng của người Ai Cập cổ đại là

A. tượng Nhân sư.

B. các kim tự tháp.

C. đền thờ các vị vua.

D. các khu phố cổ.

Câu 3. Tôn giáo nào **không** khởi nguồn từ Ấn Độ?

A. Hồi giáo.

B. Phật giáo.

C. Hin-đu giáo.

D. Bà La

Môn giáo.

Câu 4. Chủ nhân đầu tiên của nền văn minh Trung Hoa là người tộc nào?

A. Người Hoa Hạ.

B. Người Choang.

C. Người Mãn.

D. Người

Mông Cổ.

Câu 5. Mặt hàng nổi tiếng trong quan hệ buôn bán với nước ngoài của người Trung Quốc thời kì cổ - trung đại là gì?

A. Các loại lâm thổ sản.

B. Vàng, bạc.

C. Tơ lụa, gốm sứ.

C. Hương liệu.

Câu 6. Loại chữ cổ nhất của người Trung Quốc là

A. chữ giáp cốt, kim văn.

B. chữ Hán.

C. chữ Kha-rốt-ti.

D. chữ tượng hình viết trên giấy

pa-pi-rút.

Câu 7. 10 chữ số mà ngày nay chúng ta đang sử dụng là thành tựu của nền văn minh nào?

A. Ai Cập.

B. Hy Lạp.

C. Ấn Độ.

D. Trung

Hoa.

Câu 7. Loại chữ viết của nền văn minh nào được cư dân của nhiều quốc gia Đông Nam Á thời cổ - trung đại tiếp thu?

A. Văn minh Ai Cập.

B. Văn minh Lưỡng Hà.

C. Văn minh Ấn Độ.

D. Văn minh Trung Hoa.

Câu 8. Thành tựu nào dưới đây **không** thuộc “ Tứ đại phát minh” về kĩ thuật của người Trung Quốc thời kì cổ - trung đại?

A. Kĩ thuật làm giấy.

B. Kĩ thuật làm lịch.

C. Thuốc súng.

D. La bàn.

Câu 9. Nền văn minh nào ở phương Đông tồn tại liên tục, lâu đời nhất và có ảnh hưởng sâu sắc đến văn minh thế giới?

A. Văn minh Ai Cập.

B. Văn minh Lưỡng Hà.

C. Văn minh Hy Lạp- La Mã.

D. Văn minh Trung Hoa.

BÀI 6:

MỘT SỐ NỀN VĂN MINH PHƯƠNG TÂY

THỜI KÌ CỔ - TRUNG ĐẠI

1. Văn minh Hi Lạp và La Mã cổ đại

b. Thành tựu cơ bản

* **Chữ viết:** Phát minh ra hệ thống chữ cái A, B, C,...

* **Văn học:** Chủ yếu là kịch (kịch kèm theo hát).

- Một số nhà viết kịch tiêu biểu như Sô phốc, Ê-sin,...

- Giá trị của các vở kịch: Ca ngợi cái đẹp, cái thiện và có tính nhân đạo sâu sắc.

* **Kiến trúc, điêu khắc và hội họa:** Đạt được nhưng thành tựu rực rỡ: đền Pác-tê-nông, đền A-tê-na, tượng thần Dớt, tượng nữ thần A-tê-na..

* **Khoa học, kĩ thuật:** Khoa học đến thời Hy Lạp, La Mã mới thực sự trở thành khoa học vì có độ chính xác của khoa học, đạt tới trình độ khái quát thành định lý, lý thuyết và nó được thực hiện bởi các nhà khoa học có tên tuổi, đặt nền móng cho ngành khoa học đó.

* **Tư tưởng, tôn giáo, thể thao**

2. Văn minh Tây Âu thời Phục hưng

b. **Những thành tựu cơ bản:** Văn học, hội họa, kiến trúc, điêu khắc, khoa học kĩ thuật, tư tưởng

- Nội dung:

+ Lên án gay gắt Giáo hội Thiên Chúa giáo, trật tự phong kiến.

+ Đề cao giá trị con người và tự do cá nhân, đề cao tinh thần dân tộc.

- Ý nghĩa

+ Văn hóa Phục hưng được coi là cuộc đấu tranh công khai đầu tiên trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng của giai cấp tư sản chống lại chế độ phong kiến lỗi thời.

+ Mở đường cho văn minh Tây Âu phát triển trong những thế kỉ tiếp theo

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Vì sao nói chữ viết là cống hiến lớn lao của văn minh phương Tây cổ đại?

A. Kí hiệu ít, đơn giản, dễ biểu đạt ý nghĩa sự vật, hiện tượng.

B. Được tất cả các nước trên thế giới sử dụng đến ngày nay.

C. Có hệ thống chữ cái hoàn chỉnh, cùng với hệ chữ số La Mã.

D. Đơn giản, khoa học, khả năng ghép chữ linh hoạt, dễ phổ biến.

Câu 2. Những tiến bộ trong cách tính lịch của người phương Tây so với phương Đông xuất phát từ

A. cách tính lịch dựa theo sự chuyển động của Mặt Trăng.

B. việc đúc rút kinh nghiệm từ thực tiễn sản xuất.

C. sự hiểu biết chính xác về Trái Đất và hệ Mặt Trời.

D. việc tính lịch dựa theo sự chuyển động của Mặt Trời.

Câu 3. Người La Mã sớm có hiểu biết chính xác về Trái Đất và hệ Mặt Trời là nhờ

A. vào việc canh tác nông nghiệp.

B. họ thường giao thương bằng đường biển.

C. vào việc buôn bán giữa các thị quốc.

D. sự phát triển của khoa học - kĩ thuật.

Câu 4. Trong phong trào Văn hoá Phục hưng, giai cấp tư sản chủ trương xây dựng nền văn hoá mới và

A. khôi phục tinh hoa văn hoá phương Tây

B. khôi phục tinh hoa văn hoá Hy Lạp, La Mã.

C. phục hưng nền văn hoá phong kiến.

D. phục hưng văn hoá phương Đông.

Câu 5. Qua những tác phẩm văn học, nghệ thuật thời Phục hưng, giai cấp tư sản đã nghiêm khắc lên án

A. giai cấp vô sản.

B. trật tự phong kiến,

C. giáo hội Thiên Chúa giáo.

D. vua quan phong kiến.

Câu 6. Văn hoá Phục hưng đã đề cao vấn đề nào dưới đây?

A. Khoa học, nhân văn.

B. Giá trị nhân bản, nhân văn.

C. Giá trị nhân bản và tự do.

D. Độc lập và tự do.

Câu 7. Phong trào Văn hoá Phục hưng (thế kỉ XIV - XVII) đã đạt được những thành tựu rực rỡ về mọi mặt, đặc biệt là lĩnh vực

A. khoa học tự nhiên.

B. kinh tế và văn hoá.

C. văn học, nghệ thuật.

D. chính trị và lịch sử.

Câu 8. Về chữ viết, người Hy Lạp thời cổ đại đã sáng tạo ra

A. chữ La-tinh.

B. chữ La Mã.

C. hệ thống chữ viết gồm 24 chữ cái.

D. chữ tượng hình.

Câu 9. Về văn học, người Hy Lạp thời cổ đại đã sáng tạo ra những tác phẩm nổi tiếng nào?

A. Bộ sử thi I-li-át.

B. Bộ sử thi Ô-đi-xê.

C. Các vở kịch của tác giả E-sin.

D. Hai bộ sử thi I-li-át và Ô-đi-xê.

BÀI 7. CÁC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI CẬN ĐẠI

1. Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

a. Bối cảnh lịch sử

b. Những thành tựu cơ bản

- Những phát minh về máy móc:

- + Năm 1764 Giêm-ha-gri-vơ sáng chế ra máy kéo sợi Gienni.
- + Năm 1769 Ác-crai-tơ chế tạo ra máy kéo sợi chạy bằng hơi nước.
- + Năm 1779 Crôm-ton cải tiến máy kéo sợi tạo ra sản phẩm đẹp, bền hơn.
- + Năm 1785 Các-rai chế tạo máy dệt chạy bằng sức nước, năng suất tăng 40 lần.
- + Năm 1784 Giêm Oát phát minh ra máy hơi nước và đưa vào sử dụng.
- Luyện kim: Năm 1735 phát minh ra phương pháp nấu than cốc luyện gang thép, năm 1784 lò luyện gang đầu tiên được xây dựng.
- Giao thông vận tải: Năm 1814 Xti-phen-xơn chế tạo thành công đầu máy xe lửa.

2. Cách mạng công nghiệp lần thứ hai

a. Bối cảnh lịch sử

b. Những thành tựu cơ bản

Lĩnh vực	Tên thành tựu
Các phát minh về điện	Nhờ các phát minh về điện của các nhà bác học như Pha-ra-đây, Ê-di-xơn, Tét-la đã thúc đẩy việc ứng dụng nguồn năng lượng điện vào cuộc sống.
Luyện kim	Kỹ thuật luyện kim được cải tiến với việc sử dụng lò cao.
Giao thông vận tải	- Dầu mỏ được sử dụng và cung cấp nguyên liệu mới cho giao thông vận tải. - Năm 1886, chiếc ô tô đầu tiên trên thế giới được Các Ben phát minh. - Năm 1903, Hai anh em nhà Rai người Mỹ đã chế tạo thành công chiếc máy bay đầu tiên.

3. Ý nghĩa và tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai

- Kinh tế

- + Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đã thúc đẩy quá trình thị trường hóa nền kinh tế thế giới.
- + Nền sản xuất lớn bằng máy móc đã giải phóng sức lao động, làm thay đổi cách thức lao động của con người.

- Xã hội

+ Cách mạng công nghiệp cũng tạo ra những tác động tiêu cực như: Ô nhiễm môi trường, bóc lột lao động phụ nữ và trẻ em.

D. Mai-con Pha-ra-đây.

Câu 10. Ai là người đã phát minh ra phương pháp sử dụng lò cao trong luyện kim?

A. A-lếch-xan-đơ Gra-ham Beo.

B. Hen-ri Bê-sê-mơ.

C. Mai-con Pha-ra-đây.

D. Anh em nhà Rai.

Câu 11. Cách mạng công nghiệp thời kì cận đại **không** có những tác động nào sau đây?

A. Thúc đẩy sự phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động.

B. Hình thành và phát triển các trung tâm công nghiệp, thành thị.

C. Gây ô nhiễm môi trường, bóc lột lao động phụ nữ, trẻ em, xâm chiếm thuộc địa.

D. Thúc đẩy toàn cầu hoá, tự động hoá, thương mại điện tử, tự do thông tin.